

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày 15- 6 - 2023

*V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Đức Thẩm

Ông Trịnh Đình Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 39/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023, về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1988

Trú tại: Tổ Dân phố T, phường H, thị xã N, tỉnh T (Vắng mặt có lý do).

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T - sinh năm 1989

Nơi ĐKNKTT: tổ 104, Thôn C, phường L, thị xã B, tỉnh T

Chỗ ở hiện nay: Khu tập thể Xi măng Bỉm Sơn C1, Lô 2 đường 3, khu phố 5, phường Đ, thị xã B, tỉnh T (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2023 nguyên đơn chị Lê Thị Thảo trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, Vợ chồng được UBND Phường L, thị xã B, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/5/2011. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì vợ chồng không có tình cảm, thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng nên chị đã về nhà

mẹ đẻ ở thị xã Nghi Sơn ở từ năm 2022 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này với anh T được nữa. Nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung, cháu đầu tên là Phạm Tuấn A, sinh ngày 16/11/2011, hiện cháu đang học lớp 6 trường THCS xi măng Bim Sơn, cháu thứ hai tên là: Phạm Tú A, sinh ngày 31/07/2019. Nếu ly hôn chị xin được nuôi cả hai cháu, về cấp dưỡng nuôi con do anh Tuynh tự nguyện đóng góp.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phía bị đơn: Tại bản tự khai ngày 23/5/2023 anh Phạm Văn Tuynh trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thị xã B năm 2011. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, chị T không quan tâm gì đến con cái. Đến ngày 21/5/2022 chị T đã gọi mẹ và hai anh trai ra Bim Sơn gây áp lực cho anh, sau đó mẹ và anh trai đưa chị T về nhà thị xã N ở mặc dù không được sự đồng ý của anh. Từ đó đến nay đã một năm nhưng chị T không ra thăm con, không quan tâm đến con. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nếu chị T làm đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là Phạm Tuấn A(nam) sinh ngày 16/11/2011, cháu thứ hai tên là Phạm Tú A(nữ) sinh ngày 31/7/2019. Nếu ly hôn nguyện vọng của anh xin được nuôi 2 cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh không yêu cầu chị Thảo cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 23/5/2023 ông Trần Ngọc H cho biết: Vợ chồng chị T và anh T kết hôn năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thị xã B. Trong quá trình chung sống tại địa phương khu phố không nắm rõ được mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị. Hiện nay vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau, không còn sống chung nhà. Anh chị có 02 con chung là Phạm Tuấn A, sinh ngày 16/11/2011 và Phạm Tú A, sinh ngày 31/7/2019. Hiện cả hai cháu đang ở với bố. Anh T hiện nay làm nghề tự do, chị T làm công nhân. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh T, quan điểm của khu phố đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 30/5/2023 Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số:39/TB-TA ngày 23/5/2023. Anh

Tuynh không có mặt, chị T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T có mặt, chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và chị vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn với anh T và chị có nguyện vọng xin được nuôi 2 con. Về cấp dưỡng do anh T tự nguyện đóng góp, về tài sản và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84/ Luật hôn nhân gia đình;
- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;
- Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thảo
- + Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn T
- + Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu Phạm Tuấn (nam), sinh ngày 16/11/2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu, giao cháu Phạm Tú A (nữ), sinh ngày 31/07/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản: Vợ chồng không đề nghị Tòa án giải quyết nên miễn xét.
- * Về án phí DSST: Đề nghị buộc chị Lê Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu của đương sự và Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật: Chị Lê Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Birm Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T. Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”; Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường L, thị xã B, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Birm Sơn theo quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự;

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thị xã B đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì tính tình không hợp nhau, không có tình cảm, anh T hay ghen tuông và hiểu lầm chị, nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thị xã Nghi Sơn ở từ tháng 5/2022 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị cương quyết xin ly hôn anh Tuynh, anh T cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Ngày 21/5/2022 chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thị xã Nghi Sơn ở từ đó đến nay chị T không quan tâm gì đến con cái. Nay anh xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, nên nếu chị T làm đơn ly hôn thì anh cũng đồng ý. HĐXX xét thấy vợ chồng anh chị đã ly thân hơn 1 năm nay, chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, hai vợ chồng ở xa nhau không ai quan tâm đến ai, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thảo, anh T xử cho chị T được ly hôn với anh T là phù hợp.

- Về con cái: Vợ chồng có 2 con chung, cháu đầu tên là Phạm Tuấn A (giới tính: nam), sinh ngày 16/11/2011, cháu thứ hai tên là: Phạm Tú A (giới tính: nữ), sinh ngày 31/07/2019. Anh T và chị T đều có nguyện vọng xin nuôi 2 cháu. Tại phiên tòa anh T trình bày hiện nay 3 bố con đang ở tại phường Đông Sơn, hàng ngày anh đi làm có mẹ anh đến nhà hỗ trợ anh chăm sóc, quản lý các con, anh làm nghề tự do thu nhập bình quân một tháng khoảng 10.000.000đ (mười triệu đồng) nên anh có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng 2 con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Chị T có nguyện vọng xin nuôi 2 con và về cấp dưỡng nuôi con do anh T tự nguyện đóng góp, lương bình quân thu nhập hàng tháng của chị khoảng 4.000.000đ (bốn triệu đồng). HĐXX xét thấy, hiện nay cháu T đã lớn nên đã tự lo cho bản thân được, còn cháu Tú A đang còn nhỏ và cháu là con gái nên cần có bàn tay chăm sóc của mẹ. Vì vậy, cần giao cháu Tú A cho chị Thảo nuôi dưỡng, giao cháu Tuấn A cho anh T nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Về tài sản và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ:* Khoản 1 Điều 28, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273, 278 và 280 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 / Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* *Tuyên xử:* Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T

- Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn T.

- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu Phạm Tuấn A (giới tính: nam), sinh ngày 16/11/2011 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Tú A (giới tính: nữ), sinh ngày 31/07/2019 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí DSST: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bim Sơn ngày 07/4/2023 theo biên lai thu số: AA/2021/0005369. Như vậy, chị Lê Thị T đã nộp đủ án phí DSST.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh Phạm Văn T vắng mặt chị Lê Thị T. Anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/6/2023), chị T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- VKSND thị xã Bim sơn;

- Đương sự;

- UBND phường L

(ĐK số 50 ngày 17/5/2011);

- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;

-THA Dân sự thị xã Bim Sơn;

- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TỔNG THỊ HÀ

